

Vietnam Daily Review

Phiên tăng mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/5/2021		•	
Tuần 10/5-14/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bất chấp thông tin xấu của dịch bệnh COVID-19, thị trường tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay với dòng tiền đầu tư chảy vào 9/19 nhóm ngành cổ phiếu. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao, độ rộng thị trường ở trạng thái cân bằng cho thấy dòng tiền đang chuyển vào nhóm Largecap và Bluechips. Khối ngoại cũng mua ròng trở lại trên cả hai sàn HSX và HNX. Với dòng tiền khối nội và khối ngoại chảy vào thị trường, VN-Index nhiều khả năng sẽ tích lũy ngắn hạn trong vùng 1,260-1,280 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao tăng.

Phân tích kỹ thuật: HCM_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Cập nhật BSR (Trang 6)

Cập nhật DRC (Trang 7)

Điểm nhấn

- VN-Index **+17.77** điểm, đóng cửa **1,259.58** điểm. HNX-Index **+0.41** điểm, đóng cửa **280.27** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+3.37)**, **MSN (+2.06)**, **HPG (+1.94)**, **VHM (+1.78)**, **MBB (+1.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-2.08)**, **SAB (-0.43)**, **EIB (-0.26)**, **MWG (-0.26)**, **HVN (-0.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,071** tỷ đồng, **+2.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,078 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 18.58 điểm. Thị trường có **214** mã tăng, 43 mã tham chiếu và **207** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **89.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (133.6 tỷ)**, **MSB (110.7 tỷ)** và **HPG (68.5 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.56** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyễn Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1259.58**
Giá trị: 21622.87 tỷ **17.77 (1.43%)**
Khối ngoại (ròng): 89.82 tỷ

HNX-INDEX **280.27**
Giá trị: 2711.28 tỷ **0.41 (0.15%)**
Khối ngoại (ròng): 4.56 tỷ

UPCOM-INDEX **80.84**
Giá trị: 1019.6 tỷ **-0.01 (-0.01%)**
Khối ngoại(ròng): 23.07 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	65.4	0.69%
Giá vàng	1,837	0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,060	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	28,039	0.74%
Tỷ giá JPY/VND	21,186	-0.25%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	14.36%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	133.6	CTG	-314.1
MSB	110.7	KBC	-59.5
HPG	68.5	VCB	-42.6
VRE	63.9	KDH	-33.8
MBB	56.6	E1VFN30	-33.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật BSR	Trang 6
Cập nhật DRC	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 10/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	65.44	0.83%	1.50%	9.70%	98.00%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.85	0.83%	1.90%	9.80%	73.29%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	215.67	1.40%	2.60%	10.10%	103.21%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1835.31	0.22%	2.40%	4.50%	4.98%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.67	0.79%	2.80%	8.70%	57.59%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1582.75	-0.44%	3.90%	12.30%	86.59%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	752.50	-1.21%	4.80%	19.30%	40.46%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.82	-0.42%	-1.90%	-1.90%	19.64%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	236.67	0.30%	8.20%	4.20%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.40	-0.51%	4.00%	14.60%	57.18%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	152.90	-0.91%	8.10%	18.80%	31.87%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10417.00	3.22%	5.40%	15.10%	97.52%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	905.16	2.66%	9.70%	18.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	951.83	2.45%	8.50%	17.10%			
Nhôm	USD/ton	2540.00	2.07%	5.10%	12.00%	71.04%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	199.88	6.67%	14.00%	34.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	93.90	0.37%	4.60%	10.10%	49.52%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 57 US cent (0.8%) lên 68.85 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 51 US cent (0.8%) lên 65.41 USD/thùng. HĐTL dầu thô tăng chủ yếu do cơ sở hạ tầng hăng hậu cần Colonial Pipeline bị tấn công bởi mã độc tổng tiền, khiến hệ thống phải dừng hoạt động trong ba ngày qua.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,834.96 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng 0.2% lên 1,835.00 USD/ounce. Vàng tăng chủ yếu do dữ liệu lao động Mỹ kém hơn dự kiến, làm tăng kỳ vọng lãi suất tại mức thấp tiếp tục được duy trì.

	10/5	% 10/5	7/5	% 7/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1259.58	1.43%	1241.81	-0.70%	1.63%	1.90%
S&P 500			4232.60	0.74%	1.23%	3.74%
HĐTL S&P500	4229.00	0.09%	4225.20	0.74%	1.03%	3.42%
Shang- hai	3427.99	0.27%	3418.87	-0.65%	-0.84%	-1.62%
Euro Stoxx	4022.86	-0.28%	4034.25	0.87%	0.57%	1.13%

Phân tích kỹ thuật

HCM_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: HCM đang ở trạng thái tích lũy trung hạn tại khu vực 30-35 trong hơn 2 tháng trở lại đây. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của HCM nằm tại khu vực xung quanh 32.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 41.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 30.9 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

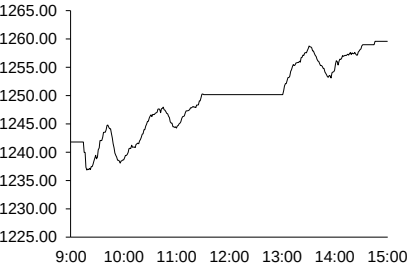
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	4.65%
Dịch vụ tài chính	4.01%
Tài nguyên Cơ bản	3.71%
Thực phẩm và đồ uống	3.48%
Công nghệ Thông tin	2.88%
Bảo hiểm	2.54%
Ngân hàng	1.75%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.59%
Hóa chất	0.21%
Viễn thông	0.00%
Bất động sản	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.07%
Y tế	-0.15%
Ô tô và phụ tùng	-0.56%
Xây dựng và Vật liệu	-0.70%
Du lịch và Giải trí	-0.92%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.12%
Bán lẻ	-1.57%
Truyền thông	-3.42%

Hình 1

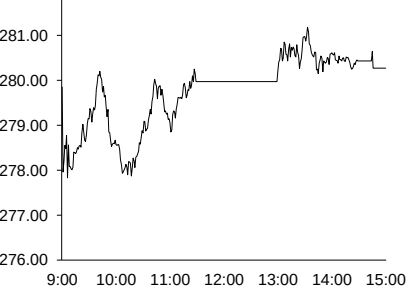
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	31.1	3	6.87%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	33.2	4	5.06%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	30.8	5	6.02%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	31.5	6	-1.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	38.9	11	7.16%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.4	12	-0.28%	Có thể tiếp tục mua
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	85.8	31	4.51%	Có thể tiếp tục mua
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	35.65	41	5.32%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.1	77	-7.75%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

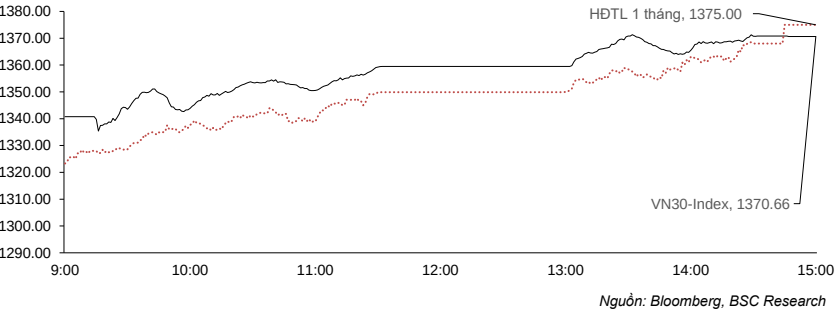
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	3	5.82%	-3.20%	2.82%	21
Cổ phiếu đã chốt	137	82	13.36%	-8.06%	5.34%	28

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1375.00	3.87%	4.34	-9.5%	189,654	5/20/2021	12
VN30F2106	1368.00	-0.06%	-2.66	71.3%	608	6/17/2021	40
VN30F2109	1350.70	3.11%	-19.96	78.0%	73	9/16/2021	131
VN30F2112	1350.10	3.30%	-20.56	59.4%	271	12/16/2021	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh +29.93 điểm, lên 1370.66 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HPG, MSN, MBB, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng lên quanh 1370 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2104	8/27/2021	109	2:1	1,630,200	34.95%	2,000	7,020	30.00%	2,606	2.69	49,800	45,800	48,100
CVNM2102	7/6/2021	57	9.91:1	918,100	25.18%	1,700	2,870	26.43%	28	101.95	127,000	110,000	93,000
CHPG2106	8/27/2021	109	2:1	562,800	33.11%	4,100	11,100	23.33%	6,967	1.59	58,400	50,200	63,000
CSTB2104	8/27/2021	109	1:1	417,600	41.91%	4,000	9,300	21.57%	3,107	2.99	26,900	22,900	24,300
CTCB2101	10/5/2021	148	1:1	224,700	34.95%	5,000	22,400	16.67%	7,723	2.90	36,000	31,000	48,100
CMBB2101	7/6/2021	57	2:1	455,600	33.09%	1,600	8,100	15.71%	3,716	2.18	29,200	26,000	33,200
CHPG2103	7/6/2021	57	2:1	282,200	33.11%	3,900	15,500	13.14%	10,656	1.45	49,800	42,000	63,000
CSTB2103	8/9/2021	91	2:1	488,500	41.91%	1,400	7,500	11.44%	3,321	2.26	20,800	18,000	24,300
CHPG2105	8/9/2021	91	2:1	317,400	33.11%	3,000	16,850	10.42%	10,755	1.57	48,000	42,000	63,000
CVPB2103	8/9/2021	91	2:1	210,900	37.40%	2,700	14,950	9.93%	13,117	1.14	41,900	36,500	62,300
CMBB2010	6/14/2021	35	1:1	488,900	33.09%	4,600	17,320	9.27%	17,273	1.00	20,600	16,000	33,200
CFPT2016	6/22/2021	43	5:1	616,000	29.01%	2,580	8,600	8.86%	7,216	1.19	62,900	50,000	85,800
CVHM2104	8/9/2021	91	10:1	724,400	30.26%	1,600	4,020	8.65%	709	5.67	114,000	98,000	99,100
CTCB2102	7/6/2021	57	2:1	411,600	34.95%	2,300	9,200	8.24%	6,199	1.48	57,200	48,000	48,100
CHPG2102	7/5/2021	56	1:1	102,200	33.11%	6,600	27,000	6.30%	22,298	1.21	47,600	41,000	63,000
CTCB2103	8/9/2021	91	2:1	467,900	34.95%	2,900	10,270	6.10%	6,559	1.57	41,300	35,500	48,100
CVPB2015	7/30/2021	81	1:1	121,200	37.40%	5,600	36,630	3.74%	36,573	1.00	31,600	26,000	62,300
CTCB2012	7/30/2021	81	1:1	190,100	34.95%	5,400	26,440	3.44%	26,331	1.00	27,400	22,000	48,100
CNVL2003	6/11/2021	32	10:1	1,134,800	29.55%	1,000	6,730	-11.56%	6,479	1.04	73,979	63,979	128,500
Tổng				9,765,100	34.00%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 10/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao tăng.

• CHPG2107 và CVHM2106 tăng mạnh lần lượt là 35.44% và 33.84%. Trái lại, CNVL2003 và CNVL2101 giảm mạnh lần lượt là -11.56% và -10.20%. Giá trị giao dịch tăng 4.04%. CTCB2104 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.74% thị trường.

• CKDH2001, CHPG2018, CMBB2010, CTCB2012, và CVPB2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2104, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	93.00	6.90	7.69
HPG	63.00	3.62	4.92
MSN	101.60	6.95	3.33
MBB	33.20	5.06	3.29
TCB	48.10	2.23	2.93

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	128.5	-5.38	-3.35
MWG	138.1	-1.50	-0.80
PNJ	93.6	-1.99	-0.42
PDR	69.9	-1.41	-0.24
VJC	119.2	-0.25	-0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN: Hưởng lợi từ giá dầu hồi phục

Mã cổ phiếu: BSR (Upcom), Vốn hóa: 46,197 tỷ VND, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 3,100.5 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 15,700 VND, Sở hữu nước ngoài: 1.34%

Chuyên viên phân tích: Thái Ngọc Lan Hương, CFA

Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt kế hoạch DTT = 70,898.3 tỷ VND (+21% yoy), LNST = 870 tỷ VND (so với mức -2,812.5 tỷ VND cùng kỳ), tổng sản lượng đạt 6.5 triệu tấn (+10% yoy). Công ty dự kiến tiếp tục không chia cổ tức năm 2020 và 2021.

Cập nhật tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2021: DTT ước đạt gần 21,000 tỷ VND (+17% yoy), hoàn thành 29.5% KH; LNST ước đạt 1,803 tỷ VND (so với mức -2,345 tỷ VND cùng kỳ), cao gấp đôi KH năm; tổng sản lượng ước đạt 1.56 triệu tấn, hoàn thành 24% KH năm.

Nhờ nhu cầu tiêu thụ thị trường trong nước có dấu hiệu cải thiện trong Q1 do dịch COVID-19 đã dần được kiểm soát. Cụ thể, nhu cầu dầu diesel và xăng đang cao, nhu cầu tiêu thụ xăng máy bay Jet A1 cải thiện. Hiệu suất hoạt động NMLD Dung Quất đạt mức 105% - 106% trong Q1/2021.

Ngoài ra, giá dầu trung bình Q1/2021 đạt 61 USD/thùng (+20% YoY), cao hơn 35% so với kế hoạch năm 2021 giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của NMLD Dung Quất có nhiều thuận lợi hơn. Đầu tháng 3/2021, giá dầu Brent có thời điểm tăng đến mốc gần 70 USD/thùng.

Tiến độ dự án NCMR NMLD Dung Quất: Dự án rất chậm so với tiến độ kế hoạch tổng thể, hiện đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu EPC giai đoạn 2 và trình duyệt phương án thu xếp vốn tài chính sơ bộ. Về tiến độ công tác thành phần, dự án đã hoàn thành việc chỉ trả bồi thường và nhận bàn giao mặt bằng từ 12/6/2020; công tác rà phá bom mìn, vật nổ (RPBM) đã hoàn thành trên 95% diện tích trên bờ (108,2ha), 5% diện tích trên bờ còn lại sẽ được triển khai cùng đợt thi công rà phá bom mìn dưới nước; công tác san lấp, chuẩn bị mặt bằng đang hoàn thành các thủ tục cần thiết để phát hành lựa chọn nhà thầu triển khai phù hợp với tiến độ gói thầu EPC.

Kế hoạch tái cấu trúc, quyết toán cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước: Công ty đang tiến hành các thủ tục để: (i) hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR; (ii) thoái vốn tại PMS, PVOS ngay sau khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền; (iii) tiếp tục triển khai công tác thoái vốn của BSR tại PVBuilding. Đồng thời, công ty đang tiếp tục tìm kiếm các đối tác đầu tư mua phần vốn góp của Tập đoàn sau khi có chấp thuận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Đến hiện tại, công tác tìm cổ đông chiến lược không có tiến triển so với đầu năm 2020; công tác thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS còn có vướng mắc do phải thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Một số rủi ro đáng chú ý: Công ty đang chịu cạnh tranh khốc liệt trong thị trường nội địa với nguồn xăng dầu sản xuất từ NMLD Nghi Sơn và nguồn nhập khẩu từ các nước tham gia hiệp định thương mại tự do với Việt Nam.

Bên cạnh đó, NMLD Dung Quất đã vận hành trên 10 năm liên tục nên thiết bị, máy móc đòi hỏi phải được chú trọng kiểm tra, giám sát và duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, liên tục.

Ngoài ra, khối lượng dầu thô Bạch Hổ ngày càng giảm, chất lượng không ổn định; công ty vẫn đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư cho dự án NCMR NMLD Dung Quất.

DRC_Hưởng lợi khi đối thủ cạnh tranh bị áp thuế chống bán phá giá_MUA_Giá mục tiêu: 31,000 VND/CP (+19%)

Ngày 03/05/2021 vừa qua, Brazil vừa ra thông báo sẽ gia hạn thuế chống bán phá giá có thời hạn lên đến 5 năm, áp dụng đối với mặt hàng lốp Radial xe tải, xe bus xuất xứ từ Trung Quốc. Trước đó, vào tháng 03/2021, Brazil cũng đã thông qua gia hạn thuế chống bán phá giá lốp Radial xe tải, xe bus có xuất xứ từ các nước: Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Thái Lan.

BSC cho rằng DRC sẽ được hưởng lợi đáng kể vì (1) Lốp Radial xe tải, xe bus là sản phẩm xuất khẩu chính của DRC và (2) Thị trường Brazil chiếm 60% doanh thu Radial xuất khẩu của DRC và (3) DRC đang được hưởng mức thuế nhập khẩu 0% vào thị trường này.

BSC dự báo DTT và LNST 2021 lần lượt đạt **3,888 tỷ VND (+6.6% YoY)** và **332 tỷ VND (+29.6% YoY)**, tương đương **EPS FW2021=2,799 VND/cp**, tương ứng với mức **P/E FW2021=9.3x**.

Bảng: Mức thuế chống bán phá giá áp dụng tại thị trường Brazil

Xuất xứ	Doanh nghiệp	Thuế chống bán phá giá (USD/kg)
Hàn Quốc	Kumho, Hankook...	0.32 – 1.49
Nhật Bản	Sumitomo...	0.21 – 1.59
Nga	QAO...	0.72 – 1.10
Thái Lan	Zhongce...	0.53 – 0.55
Trung Quốc	Shandong, Sailun...	1.05 – 2.59

Nguồn: CAMEX, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	138.1	-1.5%	1.0	2,855	10.5	9,051	15.3	3.8	50.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	93.6	-2.0%	1.0	925	1.6	4,974	18.8	3.7	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	56.1	3.5%	1.5	1,811	3.0	2,548	22.0	2.0	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	32.2	0.0%	0.5	313	0.0	3,809	8.5	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	132.5	0.4%	0.7	19,486	6.3	2,174	60.9	5.6	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.8	2.4%	1.1	3,137	11.7	1,175	27.0	2.4	30.0%	9.3%
VHM	Bất động sản	99.1	2.1%	1.1	14,174	16.8	7,874	12.6	3.6	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	23.4	0.2%	1.3	527	4.6	(61)		1.8	33.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	34.7	6.1%	1.4	974	33.5	2,776	12.5	2.0	45.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	68.2	6.9%	1.0	491	10.9	5,703	12.0	2.3	24.2%	22.1%
HCM	Chứng khoán	33.9	6.8%	1.5	450	13.0	2,462	13.8	2.2	47.5%	16.4%
FPT	Công nghệ	85.8	3.4%	0.9	2,944	16.6	4,718	18.2	4.0	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	78.0	1.4%	0.4	928	0.1	5,165	15.1	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	86.0	2.4%	1.3	7,157	2.8	3,946	21.8	3.3	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	53.3	5.1%	1.5	2,882	6.7	2,915	18.3	2.8	16.0%	16.8%
PVS	Dầu khí	21.2	2.9%	1.6	441	7.0	1,375	15.4	0.8	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.3	2.7%	0.8	2,063	6.7	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.8	1.3%	0.4	562	0.1	5,647	17.5	3.4	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.3	0.0%	0.7	311	0.9	1,928	9.5	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.0	2.6%	0.6	367	1.9	1,122	14.2	1.3	3.4%	9.4%
VCB	Ngân hàng	98.1	1.1%	1.1	15,819	7.1	5,709	17.2	3.6	23.4%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.4	1.8%	1.3	7,240	5.4	2,048	20.2	2.1	16.8%	10.6%
CTG	Ngân hàng	44.8	2.3%	1.3	7,253	49.1	4,765	9.4	1.8	26.0%	20.9%
VPB	Ngân hàng	62.3	1.3%	1.2	6,649	95.7	4,626	13.5	2.7	22.3%	22.5%
MBB	Ngân hàng	33.2	5.1%	1.2	4,040	51.3	3,612	9.2	1.8	22.9%	21.6%
ACB	Ngân hàng	36.2	2.8%	0.9	3,402	21.1	3,992	9.1	2.1	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.1	-0.9%	0.7	207	0.2	6,160	9.4	2.0	81.7%	20.3%
NTP	Nhựa	37.0	2.8%	0.5	189	0.3	3,988	9.3	1.6	19.1%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.0	0.5%	0.7	908	0.9	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	63.0	3.6%	1.1	9,076	77.0	5,476	11.5	3.2	30.0%	31.3%
HSG	Thép	39.2	6.8%	1.3	758	23.6	5,262	7.4	2.2	8.2%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	93.0	6.9%	0.7	8,451	32.4	4,682	19.9	6.2	55.2%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	150.5	-1.6%	0.8	4,196	1.5	7,561	19.9	4.9	63.0%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	101.6	6.9%	1.0	5,189	16.9	1,281	79.3	7.4	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.1	-1.6%	1.2	511	2.3	1,131	16.8	1.5	8.3%	8.7%
ACV	Vận tải	72.0	2.1%	0.8	6,815	0.7	577	124.8	4.2	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	119.2	-0.3%	1.1	2,807	2.4	2,256		4.3	19.1%	8.3%
HVN	Vận tải	26.6	-2.2%	1.7	1,640	1.3	(9,327)		26.2	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	35.7	4.5%	1.0	467	6.9	1,246	28.6	1.8	39.2%	6.2%
PVT	Vận tải	16.5	0.9%	1.3	231	1.7	2,281	7.2	1.1	12.5%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.8	-1.3%	1.0	632	0.9	8,479	10.7	3.4	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.1	-2.1%	0.4	645	0.2	1,604	20.6	2.2	6.5%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.7	3.7%	0.9	276	1.2	1,566	10.6	1.2	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	57.3	-2.2%	1.0	185	1.7	3,352	17.1	0.5	45.0%	3.0%
CII	Xây dựng	20.1	1.0%	0.5	208	2.2	56	357.4	1.0	30.5%	0.2%
REE	Điện	56.7	1.1%	-1.4	762	2.2	5,770	9.8	1.5	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.2	-3.6%	-0.4	209	0.4	2,371	10.6	1.2	11.4%	13.2%
POW	Điện	12.2	0.8%	0.6	1,242	5.3	1,037	11.8	1.0	3.5%	8.6%
NT2	Điện	20.3	-0.5%	0.5	254	0.4	1,872	10.8	1.4	15.2%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.8	-1.6%	1.1	731	7.9	1,639	21.8	1.6	21.2%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	55.0	-1%	0.9	2,475	0.4			3.5	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	93.00	6.90	3.34	8.18MLN
MSN	101.60	6.95	2.06	3.91MLN
HPG	63.00	3.62	1.94	28.16MLN
VHM	99.10	2.06	1.78	3.93MLN
MBB	33.20	5.06	1.19	36.39MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	-0.01	-2.08	1.66MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.43	235200	607060
EIB	0.00	-0.26	730900	373600
MWG	0.00	-0.26	1.74MLN	192700
HVN	0.00	-0.23	1.11MLN	611640

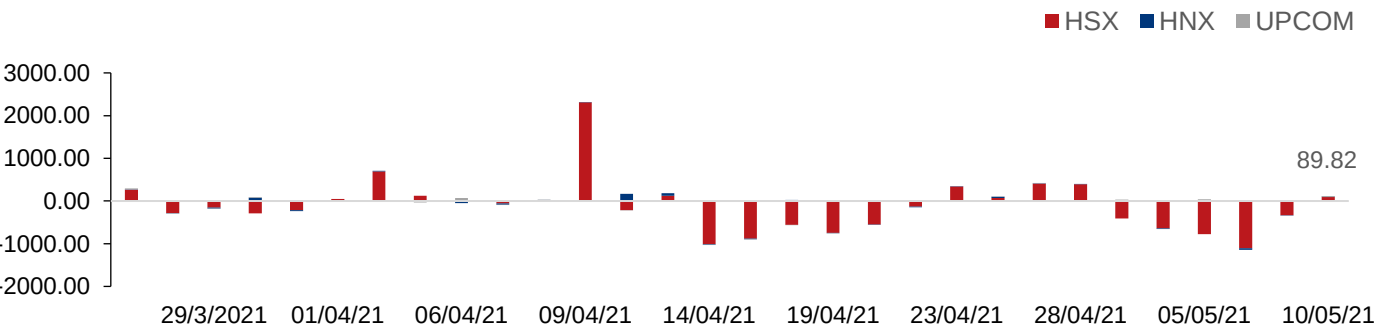
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NKG	32.10	7.00	0.10	10.36MLN
HAH	27.55	6.99	0.02	2.66MLN
FTS	19.90	6.99	0.05	2.39MLN
MSN	101.60	6.95	2.06	3.91MLN
TLH	18.50	6.94	0.03	2.07MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABS	45.35	-6.97	-0.07	10700
NHA	26.90	-6.92	-0.01	347500
TTE	9.82	-6.92	-0.01	1500.00
AMD	6.87	-6.91	-0.02	12.77MLN
VNL	19.55	-6.90	0.00	2100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.7	1,400	11.2	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.2	3,992	9.1	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.0	577	124.8	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.5	3,834	7.2	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	44.8	4,765	9.4	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	56.9	13,880	4.1	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	69.8	5,505	12.7	2.9	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	118.0	7,653	15.4	4.0	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.3	1,928	9.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.7	2,379	11.2	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.4	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.8	4,718	18.2	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	35.7	1,246	28.6	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	40.2	7,082	5.7	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	63.0	5,476	11.5	3.2	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	39.2	5,262	7.4	2.2	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.7	1,566	10.6	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.8	1,639	21.8	1.6	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.5	2,140	17.0	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	21.8			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.1	3,258	10.8	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	101.6	1,281	79.3	7.4	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	138.1	9,051	15.3	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.9	4,008	9.7	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	51.8	7,080	7.3	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.6	2,120	11.6	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	93.6	4,974	18.8	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.2	1,037	11.8	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.2	0	131.4	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.2	1,375	15.4	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	150.5	7,561	19.9	4.9	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.1	1,131	16.8	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	48.1	4,074	11.8	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	98.1	5,709	17.2	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.6	4,166	10.0	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.6	570	25.6	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	35.8	3,837	9.3	1.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	93.0	4,682	19.9	6.2	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	99.1	7,874	12.6	3.6	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	24.7	1,091	22.6	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.7	600	16.2	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	126.0	9,476	13.3	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	62.3	4,626	13.5	2.7	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.8	1,175	27.0	2.4	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	89.4	4,060	22.0	6.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639